TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **235**/2025/HS-ST
Ngày 21 - 11 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kính

2. Bà Đặng Thu Vân

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Nguyễn Thanh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Ông Nguyễn Khắc Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 297/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 311/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Phan Thị Đ; sinh năm 1994, tại Hậu Giang; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: Ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là: Ấp A, xã D, thành phố Cần Thơ); chỗ ở: Đường E, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là: Đường E, phường I, Thành phố Hồ Chí Minh)); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Thanh L và bà Võ Thị V; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2024 đến nay. (có mặt)

2. Trần Thị M; sinh năm 1999, tại Hậu Giang; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: Khu vực K, phường N, thành phố O, tỉnh Hậu Giang (nay là: Khu vực K, phường O, thành phố Cần Thơ); chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Lê Thị Q; có chồng và 02 con, lớn sinh năm 2021, nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/3/2024 đến ngày 01/4/2024 được trả tự do; bị bắt, tạm giam từ ngày 30/6/2024 đến nay. (có mặt)

3. Huỳnh Trọng N1; sinh năm 1992, tại An Giang; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: Đường P, Phường R, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là: Đường P, phường U, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Kim L1 và bà Nguyễn Thu Th; có vợ và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/3/2024 đến ngày 01/4/2024 được trả tự do; bị bắt, tạm giam từ ngày 02/7/2024 đến nay. (có mặt)

4. Phạm Thị Yến L3; sinh năm 2000, tại Tiền Giang; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: Ấp X, xã Y, huyện A1, tỉnh Tiền Giang (nay là: Ấp X, xã Y, tỉnh Đồng Tháp); chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn Đ); nghề nghiệp: Phục vụ nhà hàng; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ1 và bà Dương Thị T1; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/3/2024 đến ngày 01/4/2024 được trả tự do; bị bắt, tạm giam từ ngày 01/7/2024 đến nay. (có mặt)

5. Phạm Ngọc L4; sinh năm 1994, tại Bình Thuận; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: Tổ B1, khu phố C1, phường D1, thành phố E1, tỉnh Bình Thuận (nay là: Tổ B1, Khu phố C1, phường G1, tỉnh Lâm Đồng); chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc T2 và bà Lê Thị B3; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/3/2024 đến ngày 01/4/2024 được trả tự do; bị bắt, tạm giam từ ngày 30/6/2024 đến nay. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 02 giờ 00 phút, ngày 29/3/2024, Công an Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành kiểm tra hành chính đường E, Phường G, Quận H. Tại thời điểm kiểm tra, có mặt các đối tượng: Phan Thị Đ, Trần Thị M, Phạm Thị Yến L3, Huỳnh Trọng N1 và Phạm Ngọc L4. Qua kiểm tra, Công an phát hiện thu giữ trên bàn gỗ cạnh giường có 01 gói nylon chứa tinh thể (tất cả cùng khai nhận đây là ma túy để sử dụng).

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 phối hợp với Công an Phường 6, Quận 8 thi hành lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phan Thị Đ tại căn hộ nêu trên. Qua khám xét, Công an phát hiện trong phòng ngủ của Đ tại các vị trí: Trong ngăn kéo thứ 2 tủ gỗ cạnh giường có 01 đĩa thủy tinh đựng tinh thể, 01 thẻ nhựa và 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng cuộn tròn; dưới nệm có 01 gói nylon chứa chất bột và mảnh vụn màu vàng. Sau đó, Công an tiến hành thu giữ vật chứng, dẫn giải các đối tượng trên về trụ sở để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 để điều tra theo thẩm quyền. Tiến hành xét nghiệm tìm chất ma túy đối với Phan Thị Đ, Trần Thị M, Phạm Thị Yến L3, Huỳnh Trọng N1,

Phạm Ngọc L4, kết quả thể hiện tất cả đều dương tính với Methamphetamine, MDMA và Ketamine.

Quá trình điều tra, các bị cáo Phan Thị Đ, Trần Thị M, Phạm Thị Yến L3, Huỳnh Trọng N1 và Phạm Ngọc L4 khai nhận như sau: Vào khoảng 21 giờ ngày 28/3/2024, Đ, M, L3, N1 và L4 đang nhậu tại đường H1, Phường I1, Quận K1, Thành phố Hồ Chí Minh. Lúc này, N1 rủ mọi người sử dụng ma túy thì được mọi người đồng ý và thống nhất hùn tiền lại để mua ma túy về sử dụng chung. M sẽ là người mua ma túy, gồm 02 loại Ketamine và thuốc lắc, còn địa điểm sử dụng là nhà của Đ tại đường E, Phường G, Quận H.

Đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, cả nhóm về nhà Đ tại đường E, Phường G, Quận H. Tại đây, M dùng tài khoản Telegram tên "X1" nhắn tin cho tài khoản "Y1" của một người đàn ông (không rõ lai lịch) hỏi mua nửa hộp năm hàng "khay" và 03 viên thuốc lắc với giá 4.000.000 đồng, người đàn ông đồng ý bán và yêu cầu M trả thêm 100.000 đồng tiền giao hàng. Tại phòng ngủ của Đ, M thông báo tiền mua ma túy là 4.100.000 đồng, M ứng tiền trả trước và sau khi sử dụng ma túy xong sẽ thu của Đ, N1, L4, L3 mỗi người 820.000 đồng thì tất cả đồng ý. Thống nhất xong, M chuyển khoản số tiền 4.100.000 đồng đến số tài khoản 19036736460xxx mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 mang tên "TRINH MINH TR". Khoảng 30 phút sau, M đi cùng L4 xuống khu vực sảnh chung cư, L4 đứng ở sảnh, còn M ra ngoài gặp một người đàn ông (không rõ lai lịch), người này giao cho M 01 hộp giấy đựng 01 gói nylon chứa ma túy tổng hợp hàng khay và 01 gói nylon chứa 03 viên thuốc lắc. Sau khi nhận được ma túy, M cầm số ma túy trên đi cùng L4 quay lại căn hộ của Đ.

Khi đến nơi, M mang ma túy vào phòng ngủ của Đ, còn N1 đi lấy các dụng cụ gồm: đĩa thủy tinh, thẻ nhựa, tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng cuộn tròn (có sẵn tại nhà Đ) mang vào phòng ngủ. Sau đó, N1 lấy gói ma túy hàng khay đổ một ít ra đĩa và để trên giường cho mọi người cùng sử dụng, số ma túy còn lại N1 để trên bàn gỗ cạnh giường. Do phòng mở quạt nên mọi người cất ma túy vào trong ngăn kéo thứ 2 tủ gỗ cạnh giường, ai muốn sử dụng thì mở ngăn tủ ra lấy và chia ma túy thành đường kẻ, rồi dùng tờ tiền cuộn tròn hít trực tiếp vào mũi. Đối với gói nylon chứa 03 viên thuốc lắc, N1 bẻ viên thuốc lắc ra để trên đĩa cho Đ, N1, L4, L3 và M mỗi người tự lấy sử dụng nửa viên, còn dư nửa viên bị vỡ thành mảnh vụn không ai sử dụng nên M để dưới nệm trong phòng ngủ của Đ. Tất cả cùng sử dụng ma túy đến khoảng 02 giờ 00 phút, ngày 29/3/2024 thì bị lực lượng Công an đến kiểm tra, phát hiện như trên.

Tại bản Kết luận giám định ma túy số 4207/KL-KTHS ngày 05/4/2024, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Gói 01: Tinh thể trong 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2414g, loại Ketamine.

- Gói 2: Tinh thể trên 01 đĩa thủy tinh là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1821g, loại Ketamine.

- Gói 3: Bột và mảnh vụn màu vàng trong 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,0481g, loại MDMA.

* Vật chứng tạm giữ trong vụ án:

- 03 gói niêm phong ghi số 1269/24Q8 (gói 1, 2, 3) có chữ ký ghi tên Phan Thị Đ, Trần Thị M, Phạm Thị Yến L3, Huỳnh Trọng N1, Phạm Ngọc L4 và hình dấu Công an Phường 6, Quận 8, là ma túy thu giữ của các bị cáo dùng để sử dụng.

- 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax màu tím, là điện thoại của bị cáo Đ dùng để nhắn tin với M về việc trao đổi mua ma túy vào ngày 29/3/2024;

- 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax màu vàng, là điện thoại của của M dùng để nhắn tin với tài khoản "Y1" qua ứng dụng Telegram mua ma túy;

- 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax màu xanh, là điện thoại của M sử dụng cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội;

- 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax màu vàng là điện thoại của L3 sử dụng cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội;

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Z Fold4 màu đen, là điện thoại của N1 sử dụng cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội;

- 01 điện thoại di động Iphone 6S màu trắng, là điện thoại của L4 sử dụng cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội;

- 01 xe mô tô biển số 86C1-67x.xx, số khung: 6305FZ514xxx, số máy: JF63E1221xxx của Phạm Ngọc L4 đứng tên sở hữu, dùng vào mục đích cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội;

- 01 loa nhạc màu đen hiệu Marshall, 01 đèn màu đen hiệu Party Light, 01 thẻ nhựa, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, là dụng cụ các bị cáo dùng vào việc tổ chức sử dụng ma túy;

- 01 camera màu trắng hiệu Imou tạm giữ của Phan Thị Đ không liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại bản Cáo trạng số 110/CT-VKSQ8 ngày 06/6/2025, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Viện Kiểm Sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố bị cáo Phan Thị Đ và các đồng phạm cùng về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phan Thị Đ và các đồng phạm về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo

Phan Thị Đ từ 10 năm đến 11 năm tù; xử phạt mỗi bị cáo Phạm Thị Yến L3, Huỳnh Trọng N1 từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Thị M từ 10 năm đến 11 năm tù và xử phạt bị cáo Phạm Ngọc L4 từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy đối với số ma túy thu giữ của các bị cáo; tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với các công cụ, phương tiện dùng vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; trả lại các điện thoại di động tạm giữ của bị cáo cho các bị cáo M, L3, N1, L4 do không liên quan đến hành vi phạm tội và trả lại cho bị cáo L4 01 xe mô tô biển số 86C1-67x.xx; trả lại cho bị cáo Đ 01 camera màu trắng hiệu Imou.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phan Thị Đ và các đồng phạm đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo về cơ bản phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Vào khoảng 02 giờ 00 phút, ngày 29/3/2024, tại Đường E, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo Phan Thị Đ, Trần Thị M, Phạm Thị Yến L3, Huỳnh Trọng N1 và Phạm Ngọc L4 có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời điểm bắt quả tang, Công an phát hiện, thu giữ tại hiện trường 01 đĩa thủy tinh đựng tinh thể, 01 thẻ nhựa và 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng cuộn tròn; dưới nệm có 01 gói nylon chứa chất bột và mảnh vụn màu vàng. Qua giám định, là ma túy loại Ketamine và MDMA do các bị cáo cùng hùn tiền mua để sử dụng chung. Tiến hành xét nghiệm tìm chất ma túy thể hiện tất cả 05 bị cáo đều dương tính với ma túy loại Methamphetamine, MDMA và Ketamine.

Qua điều tra xác định, nguồn gốc số ma túy mà các bị cáo sử dụng do bị cáo Trần Thị M liên hệ mua từ một người đàn ông (chưa rõ lai lịch) vào khoảng 22 giờ ngày 28/3/2024, với giá 4.000.000 đồng và 100.000 đồng phí giao, gồm 02 loại ma túy là Ketamine và MDMA. Các bị cáo thống nhất thỏa thuận, M là người liên hệ mua ma túy và ứng tiền ra trả trước và chia đều số tiền, sau khi sử dụng ma túy xong sẽ thu tiền lại của từng người số tiền 820.000 đồng. Sau khi sử dụng ma túy xong thì đến khoảng 02 giờ ngày 29/3/2024, các bị cáo bị Công an phát hiện, bắt quả tang.

[3] Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" như sau:

" 1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

b) Đối với 02 người trở lên;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng..."

[4] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy và an toàn xã hội. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Phan Thị Đ, Trần Thị M, Phạm Thị Yến L3, Huỳnh Trọng N1 và Phạm Ngọc L4 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý", thuộc trường hợp "*Đối với 02 người trở lên*", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[6] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân các bị cáo. Bởi lẽ, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; bị cáo M có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; bị cáo L4 có ông ngoại được tặng thưởng kỷ niệm chương Chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù, đày và ông cố là liệt sỹ được cấp bằng Tổ quốc ghi công. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[7] Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm nhưng chỉ mang tính nhất thời, giản đơn. Ngoài việc thống nhất hùn tiền mua ma túy, bị cáo N1 là người rủ rê, khởi xướng việc sử dụng ma túy; bị cáo Đ là người cung cấp địa điểm, các dụng cụ, phương tiện phục vụ cho việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo M là người liên hệ mua ma túy, ứng tiền thanh toán; các bị cáo còn lại có sự thống nhất ý chí về việc hùn tiền mua ma túy để sử dụng chung và giúp sức trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét, quyết định hình phạt phù hợp với tính chất, vai trò của từng bị cáo.

[8] Xét thấy hành vi của các bị cáo không nhằm mục đích thu lợi bất chính, đồng thời theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về xử vật chứng trong vụ án:

- 03 gói niêm phong ghi số 1269/24Q8 (gói 1, 2, 3) chứa ma túy thu giữa của các bị cáo, xét là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax màu tím tạm giữ của bị cáo Đ; 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax màu vàng tạm giữ của bị cáo M, xét các bị cáo có dùng làm phương tiện liên lạc thỏa thuận mua ma túy sử dụng nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước;

- 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax màu xanh tạm giữ của bị cáo M; 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax màu vàng tạm giữ của bị cáo L3; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Z Fold 4 màu đen tạm giữ của bị cáo N1 và 01 điện thoại di động Iphone 6S màu trắng tạm giữ của bị cáo L4, xét là tài sản cá nhân của các bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo.

- 01 xe mô tô biển số 86C1-67x.xx tạm giữ của bị cáo Phạm Ngọc L4, do bị cáo đứng tên sở hữu, xét là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 loa nhạc màu đen hiệu Marshall, 01 đèn màu đen hiệu Party Light, 01 thẻ nhựa, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng tạm giữ của bị cáo Đ, xét là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Riêng 01 thẻ nhựa không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 camera màu trắng hiệu Imou tạm giữ của bị cáo Đ, xét là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[10] Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo M, do không xác định được lai lịch, Cơ quan điều tra không có cơ sở xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[11] Về án phí hình sự: Căn cứ quy định tại Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phan Thị Đ 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/3/2024.

Xử phạt bị cáo Trần Thị M 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/6/2024 (bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 29/3/2024 đến ngày 01/4/2024).

Xử phạt bị cáo Huỳnh Trọng N1 09 (chín) năm 03 (ba) tháng tù, về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/7/2024 (bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 29/3/2024 đến ngày 01/4/2024).

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Yến L3 09 (chín) năm 03 (ba) tháng tù, về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/7/2024 (bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 29/3/2024 đến ngày 01/4/2024).

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc L4 09 (chín) năm tù, về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/6/2024 (bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 29/3/2024 đến ngày 01/4/2024).

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tịch thu tiêu hủy:

+ 03 (ba) gói niêm phong ghi số 1269/24Q8 (gói 1, 2, 3) có chữ ký ghi tên Phan Thị Đ, Trần Thị M, Phạm Thị Yến L3, Huỳnh Trọng N1, Phạm Ngọc L4 và hình dấu Công an Phường 6, Quận 8.

+ 01 (một) thẻ nhựa.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax màu tím;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu vàng;

+ 01 (một) loa nhạc màu đen hiệu Marshall, 01 đèn màu đen hiệu Party Light.

+ 01 (một) tờ tiền mệnh giá 10.000 (mười ngàn) đồng.

Trả lại cho bị cáo Trần Thị M: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu xanh.

Trả lại cho bị cáo Phạm Thị Yến L3: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax màu vàng;

Trả lại cho bị cáo Huỳnh Trọng N1: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Z Fold 4 màu đen;

Trả lại cho bị cáo Phạm Ngọc L4: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu trắng và 01 (một) xe mô tô biển số 86C1-67x.xx, số khung: 6305FZ514xxx, số máy: JF63E1221xxx;

Trả lại cho bị cáo Phan Thị Đ: 01 (một) camera màu trắng hiệu Imou.

(Theo Biên bản giao - nhận tang tài vật ngày 04/9/2025).

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc mỗi bị cáo Phan Thị Đ, Trần Thị M, Huỳnh Trọng N1, Phạm Thị Yến L3 và Phạm Ngọc L4 nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND khu vực 10 - TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cơ quan CSĐT CA TP.HCM;
- Cơ quan THAHS CA TP.HCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PV06 - CA TP.HCM;
- Lưu: HS, VT.



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Quốc Thái